TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRƯNG – TP HÀ NỘI
------***------
Bản án số: 12 /2018/KDTM-ST
Ngày 29 tháng 06 năm 2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC
----------*****----------

Nhân danh
Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Toà án nhân dân Quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quang Thảo
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Bích Hợp
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết T
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Thuỷ
Cán bộ Toà án nhân dân Quận Hai Bà Trưng – Thành phố Hà Nội.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hai Bà Trưng - thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Ngô Minh Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 29/6/2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội - Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử công khai sơ thẩm vụ án Vụ án Kinh doanh Thương mại thụ lý số 54 /2017/TLST - KDTM ngày 01/12/2018 về việc tranh chấp Hợp đồng thi công và lắp đặt thang máy – theo Quyết định đưa vụ án ra phiên tòa xét xử số 36 / 2018 QĐXX -ST ngày 22/05/2018 ; Quyết định hoãn phiên tòa số 36 / 2018 QĐST- HPT ngày 11/6/2018 - Giữa các đương sự :

- Nguyên đơn : Công ty TNHH Kỹ nghệ T
Địa chỉ : Số I, phường N, quận T, TP Hồ Chí Minh
Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn B - chức vụ: Giám đốc.
Người đại diện theo uỷ quyền : Bà Nguyễn T.
(Giấy uỷ quyền số 08-TTE/GUQ-TA ngày 19/10/2017 **)** .
(Có mặt)

- Bị đơn : Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Đ
Địa chỉ trụ sở: Số II phố K, phường V, quận H, Hà Nôi.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T - chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ nơi ở (Theo đăng ký kinh doanh): IV, phường B, quận H, Hà Nội.

(Vắng mặt)

NHẬN THẤY:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2017 ; bản tự khai đề ngày 29/12/2017 ; Người Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thu T trình bầy :

Công ty TNHH Kỹ nghệ T và Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Đ ký hợp đồng kinh tế số 031.2014/HĐKT ngày 08/8/2014 . Theo hợp đồng , Công ty TNHH Kỹ nghệ T cung cấp cho Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Đ 04 thang máy hiệu Mitsubishi sản xuất tại Thái Lan cho công trình : Nhà thi đấu đa năng tỉnh Hà Nam . Tổng trị giá hợp đồng là 4.376.000.000 đ . Tạm ứng 30% bằng 1.312.800.000 đ , đợt 2 thanh toán 70% còn lại tương đương 3.063.200.000 đ .

Ngày 10/12/2014 , Công ty TNHH Kỹ nghệ T đã tiến hành bàn giao hệ thống thang máy nói trên cho Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Đ nhưng chủ đầu tư chưa có nhu cầu sử dụng nên hệ thống thang máy vẫn chưa được lắp đặt và nghiệm thu .

Theo mục 5 điều 3 của hợp đồng : " Trong trường hợp bên A ngừng thi công nhưng thời gian không được quá 01 tháng , bên A vẫn phải thanh toán đến 95 % giá trị hợp đồng cho bên B " .

Tính đến ngày 10/10/2017, Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Đ mới chỉ tạm ứng 30% bằng 1.312.800.000 đ . Công ty TNHH Kỹ nghệ T đã nhiều lần yêu cầu Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Đ tiếp tục thanh toán đến 95 % giá trị hợp đồng sau khi đã trừ đi số tiền tạm ứng còn là 2.844.400.000 đ nhưng Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Đ đều lẩn tránh và không thanh toán ; Mặc dù Công ty TNHH Kỹ nghệ T đã xuất hoá đơn 100 % giá trị Hợp đông cho Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Đ .

Việc chiếm dụng vốn của Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Đ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tài chính của Công ty TNHH Kỹ nghệ T nên Công ty TNHH Kỹ nghệ T yêu cầu Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Đ phải trả thêm phần lãi suất chậm thanh toán tính từ ngày 26/12/2014 đến ngày 10/10/2017 là 724.610.900 đ cùng với số nợ gốc 2.844.400.000 đ .

* Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án cho bị đon , nhưng sau 15 ngày kể từ khi được niêm yết , tống đạt - bị đơn không có ý kiến gì . Toà án đã niêm yết đối với bị đơn giấy báo đến Toà án để Toà án giải quyết vụ kiện nhưng bị đơn không đến Toà án . Khi được Toà án tống đạt thông báo về việc đến Toà án để Toà án lấy lời khai về việc kiện tranh chấp hợp đồng mua bỏn hàng hoỏ và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp , tiếp cận , công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bị đơn đều không đến Toà án . Do vậy Toà án không lấy được lời khai của bị đơn .

<u>Tại phiên tòa</u>:

* Đại diện nguyên đơn, bà T trình bày:

Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 20/10/2017 hai bên xác nhận : Cụng ty TNHH Thương mại và đầu tư Đ cũn phải thanh toán cho Công ty TNHH Kỹ nghệ T 3.063.200.000 đ.

Số nợ gốc 2.844.400.000 đ là 65 % của giá trị hợp đồng kinh tế , bà đề nghị tính lãi của số trên từ ngày 26/12/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lói suất 9%/năm và Cụng ty TNHH Thương mại và đầu tư Đ cũn phải trả lãi đến khi trả hết nợ theo mức lói suất 9 %/năm của số nợ gốc tiền chưa trả .

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu :

- Quỏ trỡnh thụ lý, giải quyết vụ án -Thẩm phán đó tuân thủ đúng các quy định của pháp luật được quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự .

- Quỏ trỡnh xột xử - Hội đồng xét xử và đương sự đó tuân thủ đúng các quy định của pháp luật được quy định tại Bộ luật Tố tụng Dõn sự .

- Hai bên ký kết hợp đồng đúng pháp luật , việc nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ Đề nghị xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn .

Buộc bị đơn phải Số nợ gốc 2.844.400.000 đ cho nguyên đơn và phải trả lói của số tiền trên từ ngày 26/12/2014 đến ngày 10/10/2017 là 724.610.900 đ .

XÉT THẤY:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà

Căn cứ lời trình bày của đại diện nguyên đơn và phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tại phiên toà .

Hội đồng xột xử nhận định

Ngày 08/8/2014 Công ty TNHH Kỹ nghệ T và Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Đ có ký hợp đồng kinh tế số 031.2014/HĐKT . Theo hợp đồng , Công ty TNHH Kỹ nghệ T cung cấp cho Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Đ 04 thang máy hiệu Mitsubishi sản xuất tại Thái Lan lắp đăt tại công trình : Nhà thi đấu đa năng tỉnh Hà Nam . Tổng trị giá hợp đồng là 4.376.000.000 đ . Tạm ứng 30% bằng 1.312.800.000 đ , đợt 2 thanh toán 70% còn lại tương đương 3.063.200.000 đ .

Ngày 10/12/2014 , Công ty TNHH Kỹ nghệ T đã tiến hành bàn giao hệ thống thang máy nói trên cho Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Đ đến chân công trình theo đúng hợp đồng đã ký ; Có biên bản xác nhận giữa hai bên .

Theo nguyên đơn trình bầy : chủ đầu tư chưa có nhu cầu sử dụng nên hệ thống thang máy vẫn chưa được lắp đặt và nghiệm thu .

Theo mục 5 điều 3 của hợp đồng : " Trong trường hợp bên A ngừng thi công nhưng thời gian không được quá 01 tháng , bên A vẫn phải thanh toán đến 95 % giá trị hợp đồng cho bên B " .

Do phía Cụng ty TNHH Thương mại và đầu tư Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Công ty TNHH Kỹ nghệ T đã khởi kiện .

*Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và giấy báo cho bị đon ,đến Toà án để giải quyết vụ án nhưng bị đơn không đến toà án . tiến hành xác minh , bị đơn không còn hoạt động tại địa chỉ có đăng ký kinh doanh nên Toà án phải tiến hành thủ tục niêm yết . Nhưng sau 15 ngày kể từ khi được niêm yết - bị đơn không có ý kiến gì . Toà án đã niêm yết đối với bị đơn giấy báo đến Toà án để Toà án giải quyết vụ kiện nhưng bị đơn không đến Toà án . Khi Toà án niêm yết thông báo về việc đến Toà án để Toà án lấy lời khai về việc kiện tranh chấp hợp đồng cung cấp và lắp đặt thang máy và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận , công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bị đơn đều không đến Toà án . Do vậy Toà án không lấy được lời khai của bị đơn .

Toà án đã niêm yết quyết định đưa vụ án ra phiên toà xét xử và quyết định hoãn phiên toà nhưng phía bị đơn không đến Toà án ; Do vậy bị đơn đã tự tước đi quyền trình bầy và xuất trình các chứng cứ nếu có để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình . Toà án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử .

Cụng ty Công ty TNHH Kỹ nghệ T đã nhiều lần làm việc với Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Đ để yêu cầu thanh toán . Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 20/10/2017 hai bên xác nhận : Cụng ty TNHH Thương mại và đầu tư Đ cũn phải thanh toán cho Công ty TNHH Kỹ nghệ T 3.063.200.000 đ . Đúng với 70 % giá trị của hợp đồng như nguyên đơn trình bầy .

Tại điều 3.1 của hợp đồng kinh tế số 031.2014/HĐKT ngày 08/8/2014 có ghi : Bên A thanh toán 70 % giá trị còn lại của hợp đồng trong vòng 07 ngày kể từ ngày bên B cung cấp thông báo hàng về đến công trình và giấy đề nghị thanh toán .

Tại điều 3.1 của hợp đồng kinh tế ghi : Nếu bên A thanh toán trễ quá 15 ngày thì từ ngày 16 trử đi , bên a phải chịu phạt hợp đồng theo lãi suất quá hạn cho vay của ngân hàng bên B mở tài khoản trên số tiền của đợt 2 .

Theo điều 3 .5 của hợp đồng : Trong trường hợp bên A ngừng thi công nhưng thời gian không được quá 01 tháng , bên A vẫn phải thanh toán đến 95 % giá trị hợp đồng cho bên B .

Việc hiện nay thang máy vẫn chưa được lắp đặt (theo trình bầy của nguyên đơn) do khách quan , không phải lỗi của Công ty TNHH Kỹ nghệ T nên Công ty TNHH Kỹ nghệ T yêu cầu Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Đ phải thanh toán đến 95 % giá trị hợp đồng còn lại là có cơ sở .

Công ty TNHH Kỹ nghệ T yêu cầu Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Đ phải trả thêm phần lãi suất chậm thanh toán tính từ ngày 26/12/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 9 %/ năm là đúng với hợp đồng đã ký giữa hai bên ,phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận .(Trong khi lãi suất cho vay quá hạn của các ngân hàng còn lớn hơn 9%/ năm) .

Số lãi Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Đ phải trả cho Cụng ty Công ty TNHH Kỹ nghệ T từ ngày 26/12/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm là : 2.844.400.000 đ x 9%/năm x 3 năm 6 tháng 3 ngày = 903.049.002 đ .

Như vậy , tổng số tiền Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Đ phải trả cho Cụng ty Công ty TNHH Kỹ nghệ T tính đến ngày xét xử sơ thẩm là : 2.844.400.000 đ + 903.049.002 đ = 3.747.449.002 đ .

Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Đ cũn phải trả lãi cho Cụng ty Công ty TNHH Kỹ nghệ T từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả hết nợ theo mức lói suất 9%/năm của số nợ gốc 2.844.400.000 đ tiền hàng chưa trả

Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền gốc và lãi phải trả cho phía nguyên đơn 3.747.449.002 đ là : 72.000.000 đ + 1.747.449.002 đ x 2 % = 106.948.980 đ.

Phía nguyên đơn được hoàn lại toàn bộ số tiền dự phí đã nộp .

Vỡ các lẽ trên :

Quyết Định

* Căn cứ:

- Khoản 1 điều 30 ; điểm a khoản 1 điều 39 , điểm a khoản 1 điều 35 , khoản 12 khoản 16 điỀu 70 , khoẢn 1 điỀu 147 , điều 179 , khoản 1 điều 207 , điều 220 , khoản 1 điều 227 , điều 264, điều 266 , điều 271 , điều 273 , điều 278 , điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự.
- ĐiỀu 24 , điỀu 50 , khoẢn 1 điỀu 55 , điều 74 , điều 85 ,điỀu 306, LuẬt Thương mẠi ..
- Khoản 2 điều 26; khoẢn 6 điỀu 19 ; điểm đ mục 1.4 Danh mục mức án phí lệ phí Toà án Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn ,giảm , thu , nộp , quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án .

XỬ :

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Kỹ nghệ T đối vỚi Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Đ .
- Xác định đến hết ngày 29/6/2018 - Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Đ còn nợ Công ty TNHH Kỹ nghệ T SỐ NỢ GỐC 2.844.400.000 đ đồng, số lãi 903.049.002 đ , cộng 3.747.449.002 đ (Ba tỷ , bẩy trăm bốn mươi bẩy triệu ,bốn trăm bốn mươi chín nghìn , không trăm hai đồng) .

Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Đ phải trả lãi trên số nợ gốc 2.844.400.000 đ là 9%/năm cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ .

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 – Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án , quyền yêu cầu thi hành án , tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự ; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự .

- Về án phí :

Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Đ phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền gốc và lãi phải trả cho phía nguyên đơn : 106.948.980 đ. (Một trăm linh sáu triệu , chín trăm bốn mươi tám nghìn , chín trăm tám mươi đồng).

Nguyên đơn được lấy lại 51.690.100 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003361 ngày 01/12/2017 Cơ quan Thi hành án Dân sự Quận Hai Bà Trưng.

- Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án .
- Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết tại Trụ sở Toà án nhân dân Quận Hai Bà Trưng , trụ sở UBND phường Vĩnh Tuy , Hà Nội và nhà số 55 ngõ 559 , phố Kim Ngưu , phường Vĩnh Tuy , quận Hai Bà Trưng, Hà Nôi; nhà số 40 , Hàng Buồm , phường Hàng Buồm , quận Hoàn Kiếm , Hà Nội .

- Viện Kiểm sát nhân dân Quận Hai Bà Trưng có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án . Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quyền kháng nghị trong hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án .

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Quang Thảo

Nơi nhận :
- Các đương sự , niêm yết .
- TAND TP Hà Nội
- Viện kiểm sát quận Hai Bà Trưng
- Chi Cục Thi hành án Dân sự Q. HBT .
- Lưu hồ sơ , văn phòng